

Số: 1421/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch năm ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc triển khai Luật quy hoạch; Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019; Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo số 4803/BC-HĐTD ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh về thẩm định nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 về tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

I. TÊN QUY HOẠCH

Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. PHẠM VI, THỜI KỲ LẬP QUY HOẠCH

1. Phạm vi quy hoạch

Nghiên cứu vai trò tỉnh Yên Bái trong mối quan hệ phát triển với các tỉnh lân cận có tác động trực tiếp đến tỉnh bao gồm các tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ; vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước...

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Yên Bái với tổng diện tích tự nhiên 6.887,67 km², gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 01 thị xã (thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ) và 07 huyện (Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình). Có tọa độ địa lý từ 21⁰24' đến 22⁰16' vĩ độ Bắc và từ 103⁰56' đến 105⁰03' kinh độ Đông, phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu; phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ; phía Đông giáp tỉnh Tuyên Quang; phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Sơn La.

2. Thời kỳ quy hoạch

- Thời kỳ quy hoạch: 2021-2030.
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm lập quy hoạch

- Việc lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cả nước; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Quy hoạch lập trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của các địa phương; bảo đảm tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn nội lực và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của tỉnh; liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong tỉnh và giữa Yên Bái với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước; xây dựng Yên Bái phát triển nhanh và bền vững trên cả 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, tạo sự thống nhất trong đa dạng nền văn hóa Việt Nam; tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tái cơ cấu dân cư theo hướng tập trung để tiết kiệm chi phí hạ tầng.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương; lợi ích của người dân và bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Phấn đấu đến năm 2030, Yên Bái trở thành tỉnh phát triển khá trong Trung du và miền núi phía Bắc với lâm nghiệp, nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại có năng suất và chất lượng cao kết hợp với công nghiệp chế biến, du lịch; là tỉnh hình mẫu về phát triển lâm nghiệp của cả nước, điển hình về giảm nghèo bền vững với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo đảm môi trường bền vững; bảo tồn và phát huy hiệu quả bản sắc dân tộc, các nét đẹp văn hoá các dân tộc; bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh và đối ngoại, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Quy hoạch là công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp tỉnh Yên Bái sử dụng để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; là cơ sở khoa học và thực tiễn để triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Thông qua lập quy hoạch xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn tỉnh hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn tỉnh Yên Bái bảo đảm tính khách quan, khoa học, phù hợp với định hướng phát triển.

- Lập quy hoạch tỉnh Yên Bái hướng tới phát triển nhanh và bền vững; tăng trưởng nhanh về kinh tế và ổn định xã hội, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gắn với bảo vệ môi trường; loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, cản trở phát triển của tỉnh; tạo sự phát triển hài hoà, nâng cao năng lực cạnh tranh...

3. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Bảo đảm sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch.

- Bảo đảm tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành/lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; các phân tích, đánh giá và định hướng phát triển được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, tính kết nối liên ngành, liên lĩnh vực và liên vùng.

- Bền vững và dài hạn: bảo đảm lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bảo đảm tính khả thi và thích ứng trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh thời kỳ 2021-2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm tính kế thừa và tính mở để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước cũng như các quy hoạch cấp quốc gia.

- Bảo đảm tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; bảo đảm nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

- Bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Bảo đảm tính liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch.

- Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng và giữa lợi ích của các vùng, các huyện, thành phố trong tỉnh.

IV. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho

các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

2. Xác định nội dung Quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng và dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Yên Bái và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

- Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Yên Bái.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

- Tổng hợp, đánh giá những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong thời kỳ quy hoạch.

b) Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển.

- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

- + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.

- + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

c) Các nội dung đề xuất nghiên cứu để phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh

Các nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Yên Bái phải bảo đảm cơ sở khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương và quy định của pháp luật; tập trung vào nghiên cứu cơ sở hình thành, phương hướng phát triển các vùng, địa phương, các ngành, lĩnh vực để phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập Quy hoạch

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, bảo đảm các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập Quy hoạch

- Tích hợp quy hoạch.
- Điều tra, khảo sát thu thập thông tin, phân loại, thống kê, xử lý thông tin.
- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.
- Phân tích hệ thống, đánh giá tổng hợp, so sánh, mô hình tối ưu.
- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo.
- Tiếp cận từ thực địa.
- Nghiên cứu tại bàn.
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập Quy hoạch tỉnh.

VI. THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ

a) Phần văn bản

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo Quy hoạch tỉnh gồm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và các báo cáo liên quan; các phụ lục, sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Quy hoạch.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).
- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan khác.

b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ phân tích: Danh mục và tỷ lệ bản đồ Quy hoạch tỉnh quy định tại mục IX, Phụ lục I, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Yên Bái.
- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;
 - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất;
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;
 - + Hệ thống bản đồ chuyên đề khác (nếu có).
- Bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của tỉnh (nếu có).

c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch (đĩa CD).

2. Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tiến độ lập quy hoạch: Không quá 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chủ động phối hợp, cập nhật thông tin các quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017 và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tổ chức triển khai thực hiện lập Quy hoạch bảo đảm yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh Yên Bái;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các PT TTg;
- TGD Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP. NVT **AO**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng